

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II (2025 - 2026)
MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 10

HÌNH THỨC: 70% TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm),
30% TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Trong đó, phần Trắc nghiệm bao gồm:

+ Dạng thức I (24 câu TNKQ: 6,0 điểm)

+ Dạng thức II (1 câu TN đúng/sai gồm 4 ý hỏi: 1,0 điểm)

NỘI DUNG:

Bài 24: Địa lí ngành nông nghiệp
Bài 25: Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản
Bài 28: Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp
Bài 29: Địa lí một số ngành công nghiệp
Bài 30: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp
Bài 31: Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp tương lai
Bài 32: Thực hành – Viết báo cáo tìm hiểu về một vấn đề về công nghiệp
Bài 33: Cơ cấu, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ
Kỹ năng: Tính toán, xử lí số liệu, sử dụng bảng số liệu, vẽ, nhận xét biểu đồ,...

Bài 24: ĐỊA LÝ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

1. Ngành trồng trọt

a. Vai trò:

+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến. Là cơ sở để phát triển chăn nuôi và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

+ Tạo việc làm, giúp ổn định cuộc sống cho một bộ phận lớn cư dân nông thôn.

+ Góp phần đảm bảo an ninh lương thực và ổn định xã hội và bảo vệ môi trường.

b. Đặc điểm:

+ Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên và có tính mùa vụ.

+ Cây trồng được chia thành các nhóm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả,...

+ Việc bảo quản sản phẩm của ngành trồng trọt đòi hỏi nhiều về đầu tư và công nghệ.

+ Ngành trồng trọt ngày càng gắn chặt với sự tiến bộ của khoa học – công nghệ.

c. Sự phân bố:

*Các cây lương thực chính:

+ Cây lúa gạo: ưa khí hậu nóng, ẩm, đất phù sa, được trồng nhiều ở Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á, Trung Phi,...

+ Cây lúa mì: ưa khí hậu ẩm, khô vào thời kỳ sinh trưởng cần nhiệt độ thấp, đất màu mỡ, được trồng nhiều ở Đông Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc,...

+ Ngô: ưa đất ẩm, nhiều mùn, thoát nước, trồng nhiều ở Hoa Kỳ, Nam Mỹ, Trung Quốc,...

*Cây công nghiệp:

+ Mía đòi hỏi nhiệt độ cao, lượng mưa nhiều và phân hoá theo mùa, thích hợp với đất phù sa mới. Trồng ở các nước Đông Nam Á, Nam Á, Trung và Nam Mỹ,...

+ Củ cải đường phù hợp với đất đen, đất phù sa, thường luân canh với lúa mì ở Đông, Tây và Trung Âu, Hoa Kỳ,...

+ Đậu tương ưa ẩm, đất tơi xốp, thoát nước ở Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nam Mỹ,...

+ Chè thích hợp với nhiệt độ ôn hoà, lượng mưa nhiều nhưng rải đều quanh năm, đất chua ở Đông Nam Á, Nam Á, Trung Quốc,...

+ Cà phê ưa nhiệt độ cao, ẩm, đất tơi xốp, nhất là đất badan và đất đá vôi ở Đông Nam Á, Nam Mỹ, Trung và Tây Phi,...

+ Cao su ưa nhiệt, ẩm, không chịu được gió bão, thích hợp với đất badan ở Đông Nam Á, Nam Mỹ, Trung Phi,...

2. Ngành chăn nuôi

a. Vai trò:

- + Chăn nuôi cung cấp thực phẩm dinh dưỡng cao cho con người.
- + Sản phẩm ngành chăn nuôi là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất tiêu dùng.
- + Ngành chăn nuôi phát triển sẽ thúc đẩy ngành trồng trọt phát triển.
- + Tạo ra các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, tăng GDP của đất nước.
- + Là một mắt xích quan trọng trong sản xuất nông nghiệp bền vững.

b. Đặc điểm:

- + Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào nguồn thức ăn.
- + Đối tượng của ngành chăn nuôi là các vật nuôi nên phải tuân theo các quy luật sinh học.
- + Chăn nuôi có thể phát triển tập trung hay di động, phân tán; theo quy mô nhỏ hoặc quy mô lớn => 03 hình thức chăn nuôi khác nhau: chăn nuôi tự nhiên (chăn thả), chăn nuôi công nghiệp (trang trại hiện đại), chăn nuôi sinh thái (điều kiện như tự nhiên nhưng do con người tạo ra).
- + Chăn nuôi là ngành sản xuất cho nhiều sản phẩm cùng lúc. Do vậy, tùy theo mục đích sản xuất mà quyết định sản phẩm chính, sản phẩm phụ và lựa chọn phương hướng đầu tư.
- + Ngành chăn nuôi hiện đại áp dụng các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật gen, liên kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến.

c. Phân bố:

- + Trâu được nuôi nhiều ở các nước châu Á => thích nghi tốt với điều kiện khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm, mưa nhiều, thời tiết thay đổi thất thường của các nước châu Á, đặc biệt khu vực châu Á gió mùa => sử dụng trâu làm sức kéo trong canh tác nông nghiệp.
- + Bò được nuôi phổ biến ở nhiều nơi. Chăn nuôi bò sữa phát triển mạnh ở vùng ven đô thị (nhất là ở Tây Âu và Hoa Kỳ) => Vùng ven đô thị có thị trường tiêu thụ rộng lớn, nhất là thói quen ăn uống của người ở khu vực Tây Âu, Hoa Kỳ.
- + Dê được nuôi ở các vùng khô hạn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt => Dê được coi là nguồn sống chính của người dân ở các vùng khô hạn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt do chúng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu khô hạn.
- + Cừu được nuôi ở nhiều nơi do đây là loài vật nuôi dễ tính, có thể ăn các loại cỏ khô cần và thích ứng được với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- + Lợn và gia cầm được phân bố ở hầu khắp các nước: Do đây là loại thực phẩm phổ biến, lợn và gia cầm cũng có nhiều giống phù hợp với điều kiện sinh thái ở khắp nơi.

BÀI 25: ĐỊA LÝ NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Địa lí ngành lâm nghiệp

a. Vai trò

- + Cung cấp làm sản phục vụ cho các nhu cầu của xã hội (gỗ, nguyên liệu ngành giấy, thực phẩm, dược liệu,..).
- + Bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất, điều tiết lượng nước trong đất, giảm thiểu tác

động của biến đổi khí hậu và thiên tai.

+ Tạo nguồn thu nhập và giải quyết việc làm, đặc biệt là cho người dân thuộc vùng trungdu, miền núi.

+ Góp phần đảm bảo phát triển bền vững.

b. Đặc điểm

+ Chu kì sinh trưởng dài và phát triển chậm là đặc điểm mang tính đặc thù của cây làm nghiệp.

+ Hoạt động lâm nghiệp : trồng rừng; khai thác và chế biến lâm sản; bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái rừng... Các hoạt động khai thác và tái tạo rừng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

+ Sản xuất lâm nghiệp diễn ra trong không gian rộng và trên những địa bàn có điều kiện tự nhiên đa dạng.

– Hoạt động trồng rừng: diện tích rừng trồng trên toàn thế giới ngày càng được mở rộng, năm 2019 đạt 293,9 triệu ha. Các nước có diện tích rừng trồng lớn nhất là Trung Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hoa Kỳ....

– Hoạt động khai thác rừng: sản lượng gỗ tròn của thế giới có xu hướng tăng hàng năm nhưng không đều giữa các năm và giữa các nhóm nước. Sản lượng gỗ tròn khai thác của thế giới năm 2019 đạt 3 964 triệu m³. Các nước có sản lượng gỗ tròn khai thác lớn nhất thế giới năm 2019 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Bra-xin.

2. Địa lí ngành thủy sản

a. Vai trò

+ Đóng góp vào GDP ngày càng lớn.

+ Thủy sản (gồm cả thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn) là nguồn cung cấp các chất đạm, dễ tiêu hoá cho con người; đồng thời cung cấp các nguyên tố vi lượng dễ hấp thụ và có lợi cho sức khoẻ.

+ Thủy sản là nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

+ Góp phần giải quyết việc làm, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

+ Phụ phẩm của ngành thủy sản còn là thức ăn cho chăn nuôi,...

b. Đặc điểm

+ Sản xuất thủy sản mang tính mùa vụ, phụ thuộc nhiều vào nguồn nước và khí hậu.

+ Sản xuất thủy sản ngày càng áp dụng công nghệ, sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

+ Sản xuất thủy sản bao gồm các hoạt động khai thác, chế biến và nuôi trồng vừa có tính chất của ngành sản xuất nông nghiệp, vừa có tính chất của ngành sản xuất công nghiệp.

– Khai thác thủy sản là hoạt động đánh bắt các loài thủy sản, trong đó khai thác cá chiếm đến 85 – 90% sản lượng. Việc đánh bắt chủ yếu diễn ra ở biển và đại dương, nơi có các ngư trường lớn.

- Do nhu cầu tiêu thụ ngày càng lớn và do những tiến bộ trong công nghệ đánh bắt, sản lượng khai thác thủy sản ngày càng tăng. Các quốc gia có sản lượng đánh bắt lớn nhất năm 2019 là:

Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Việt Nam,.

– Nuôi trồng thủy sản được chú trọng phát triển và có vị trí ngày càng quan trọng. Thủy sản được nuôi ở cả vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Hình thức và công nghệ nuôi trồng thủy sản ngày càng thay đổi, hiện đại. Sản lượng thủy sản nuôi trồng trên thế giới ngày càng tăng nhanh. Các quốc gia có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất năm 2019 là Trung Quốc, Ấn Độ, Băng-la-đét, Ai Cập, Na Uy, Nhật Bản và các quốc gia ở Đông Nam Á,...

BÀI 28: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

1. Vai trò, đặc điểm và cơ cấu ngành công nghiệp

a. Vai trò

- Công nghiệp là ngành đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, có tác động toàn diện tới sản xuất và đời sống, cụ thể:

+ Cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Cung cấp lượng hàng tiêu dùng phong phú nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và làm sạch hàng xuất khẩu quan trọng.

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư.

+ Góp phần khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

b. Đặc điểm

+ Gắn liền với máy móc và áp dụng công nghệ.

+ Có mức độ tập trung hóa, chuyên môn hoá và hợp tác hoá rất cao.

+ Tiêu thụ nguyên liệu đầu vào lớn, lượng chất thải ra môi trường nhiều.

+ Có tính linh động cao về mặt phân bố theo không gian do ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

+ Nền công nghiệp hiện đại gắn liền với tự động hoá, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển.

c. Cơ cấu

- Cơ cấu ngành công nghiệp là tổng thể các ngành, nhóm ngành tạo nên nền công nghiệp và mối quan hệ giữa chúng. Có nhiều cách phân loại công nghiệp, dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động, cơ cấu ngành công nghiệp phân thành: công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến.

+ Công nghiệp khai thác TNTN: KS(khai thác than, khai thác dầu khí,), nước, SV....

+ Công nghiệp chế biến vật chất tự nhiên và nhân tạo: điện lực; thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng; điện tử, tin học.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp

- Các nhân tố bên trong:

+ Vị trí địa lí: lựa chọn địa điểm xây dựng, phân bố các ngành công nghiệp, mức độ thuận lợi

trong tiếp cận các nhân tố bên ngoài.

+ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (khoáng sản, quỹ đất, nguồn nước,...) ảnh hưởng trực tiếp tới việc xác định cơ cấu và phân bố sản xuất công nghiệp.

+ Điều kiện kinh tế - xã hội quyết định sự phát triển và phân bố sản xuất công nghiệp: Dân cư và nguồn lao động giúp cho việc đảm bảo nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ. Trình độ khoa học - công nghệ giúp công nghiệp phát triển nhanh và bền vững, hình thành các ngành mới và thay đổi trong phân bố. Vốn và thị trường tạo điều kiện phát triển cả về cơ cấu và phân bố. Chính sách phát triển công nghiệp ảnh hưởng tới hướng phát triển, tốc độ phát triển, các hình thức tổ chức lãnh thổ...

- Các nhân tố bên ngoài: vốn, nhân lực, khoa học - công nghệ,... ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nhất là ở giai đoạn phát triển ban đầu.

BÀI 29: ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại

*** Khai thác than:**

- Vai trò:

+ Nguồn năng lượng truyền thống.

+ Nhiên liệu cho công nghiệp nhiệt điện, luyện kim,... nguyên liệu cho công nghiệp.

- Đặc điểm:

+ Xuất hiện sớm.

+ Quá trình khai thác, sử dụng gây tác động xấu tới môi trường, đòi hỏi phải có nguồn năng lượng mới thay thế.

- Phân bố: Các quốc gia có sản lượng lớn là các quốc gia có nguồn tài nguyên này phong phú như Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Liên bang Nga,...

*** Khai thác dầu khí:**

- Vai trò:

+ Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản

+ Nguyên liệu để sản xuất nhiều loại hoá, dược phẩm

+ Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của nhiều quốc gia

- Đặc điểm:

+ Việc khai thác phụ thuộc vào sự tiến bộ của các mũi khoan sâu

+ Sản lượng và giá dầu ảnh hưởng lớn tới sự phát triển kinh tế thế giới

+ Khai thác ảnh hưởng lớn tới môi trường và tác động tới biến đổi

- Phân bố: Tập trung ở các quốc gia có tài nguyên dầu khí như: Hoa Kỳ, Liên bang Nga, A-rập Xê út, Can-na-đa, I-rắc,... (dầu mỏ); Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Iran, Trung quốc, Cata,... (khí tự nhiên).

* Khai thác quặng kim loại:

- Vai trò:

+ Gắn với quá trình công nghiệp hoá

+ Quặng kim loại được sử dụng để sản xuất máy móc, thiết bị, làm vật liệu xây dựng

+ Sử dụng nhiều ở các thiết bị trong đời sống

- Đặc điểm:

+ Quặng kim loại được chia thành nhiều nhóm

+ Việc khai thác thiếu quy hoạch sẽ dẫn đến cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường

+ Đòi hỏi phải có vật liệu thay thế hay tái sử dụng

- Phân bố: Tập trung ở các quốc gia có trữ lượng quặng kim loại hoặc một loại quặng kim loại có trữ lớn như sắt (Ô-xtrây-li-a, Liên bang Nga, Trung Quốc,...), bộ-xít (Ô-xtrây-li-a, Ghi-nê, Gia-mai-ca,...), đồng (Chi-lê, Dăm-bi-a, In-đô-nê-xi-a...)

2. Ngành công nghiệp điện lực

- Vai trò: Ngành không thể thiếu trong xã hội hiện đại, cơ sở để tiến hành cơ khí hoá, tự động hoá sản xuất, điều kiện để đáp ứng nhiều nhu cầu trong đời sống xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia.

- Đặc điểm: có nhiều nguồn sản xuất điện, ngành này đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, đặc biệt là hệ thống truyền tải điện, sản phẩm không lưu giữ được.

- Phân bố: Tập trung chủ yếu ở các nước phát triển và một số nước đang phát triển (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga, Ấn Độ, Ca-na-đa, Đức, Hàn Quốc....) do nhu cầu sử dụng điện trong sản xuất và đời sống ở các nước này rất lớn.

3. Ngành công nghiệp điện tử, tin học

- Vai trò: tạo ra những thay đổi lớn trong phương thức sản xuất, trong đời sống xã hội cũng như hỗ trợ tái tạo và bảo vệ môi trường tự nhiên; là ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều nước, đem lại giá trị gia tăng cao, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật của mọi quốc gia.

- Đặc điểm: là ngành trẻ, đòi hỏi lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kỹ thuật phát triển. Sản phẩm phong phú, đa dạng luôn thay đổi về chất lượng và mẫu mã, ít gây ô nhiễm môi trường.

- Phân bố: ở hầu hết các nước phát triển và một số nước đang phát triển, như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước châu Âu, Trung Quốc, Ấn Độ,.....

4. Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

- Vai trò: Ngành không thể thiếu được trong cơ cấu công nghiệp của mọi quốc gia, tạo ra các loại hàng hoá thông dụng phục vụ cho cuộc sống hằng ngày của người dân và xuất khẩu; đồng thời tận dụng nguồn lao động tại chỗ, huy động sức mạnh của các thành phần kinh tế.

- Đặc điểm: đòi hỏi vốn đầu tư ít, hoàn vốn nhanh, thời gian xây dựng hạ tầng tương đối ngắn,

quy trình sản xuất đơn giản; chịu ảnh hưởng lớn từ nhân công, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm, dễ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân bố: rộng rãi trên thế giới vì sản phẩm của ngành không thể thiếu được của mọi quốc gia, phục vụ cho nhu cầu hằng ngày của con người; ngành cũng không đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật; sử dụng ít nhiên liệu, điện năng; vốn đầu tư ít;...

5. Ngành công nghiệp thực phẩm

- Vai trò: cung cấp sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu hằng ngày về ăn, uống của con người; thúc đẩy nông nghiệp phát triển; tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Đặc điểm: sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm rất phong phú, đa dạng. Nguyên liệu chủ yếu là các sản phẩm từ ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Các yêu cầu về an toàn thực phẩm ngày càng được chú trọng.

- Sự phân bố: có mặt ở mọi quốc gia nhưng phát triển nhất là ở các nước có nguồn nguyên liệu dồi dào, hoặc có nhu cầu tiêu thụ lớn, đó là: Trung Quốc, Hoa Kỳ, các nước EU, Ô-xtrây-li-a,...

BÀI 30: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

1. Quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp

- *Quan niệm:* Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là việc bố trí, sắp xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp để tạo nên các không gian lãnh thổ công nghiệp các cấp khác nhau.

- *Vai trò:*

+ Sử dụng hợp lý các điều kiện tự nhiên và nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội nhằm đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế - xã hội và môi trường.

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước.

+ Thu hút nguồn lực từ bên ngoài.

2. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

*** Điểm công nghiệp:**

- *Vai trò:*

+ Góp phần vào quá trình công nghiệp hoá, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

+ Tạo việc làm, đóng góp vào nguồn thu của địa phương.

- *Đặc điểm:*

+ Hình thức đơn giản nhất, đồng nhất với một điểm dân cư

+ Gồm một số xí nghiệp nằm gần nguồn nguyên, nhiên liệu

+ Không có (hoặc có rất ít) mối liên hệ giữa các xí nghiệp

+ Hoạt động sản xuất đa dạng, dễ ứng phó với các sự cố và thay đổi thiết bị, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác.

*** Khu công nghiệp:**

- *Vai trò:*

- + Hình thức quan trọng và phổ biến ở các nước đang phát triển
- + Đóng góp lớn vào giá trị xuất sản khẩu
- + Tạo ra cơ sở hạ tầng đồng bộ
- + Góp phần giải quyết việc làm
- + Góp phần bảo vệ môi trường

- *Đặc điểm:*

- + Tập trung tương đối nhiều xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao trên một khu vực có ranh giới xác định, không có dân cư sinh sống, cùng sử dụng chung cơ sở hạ tầng
- + Sản xuất sản phẩm vừa để giữ tiêu thụ trong nước vừa để xuất khẩu
- + Các xí nghiệp nằm trong khu công nghiệp được hưởng chế độ ưu đãi riêng.

*** Trung tâm công nghiệp:**

- *Vai trò:*

- + Có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, chiếm tỉ trọng đáng kể trong giá trị sản xuất và GDP cả nước.
- + Là hạt nhân tạo vùng kinh tế.
- + Là nơi đón đầu công nghệ mới và tạo ra những đột phá trong sản xuất.

- *Đặc điểm:*

- + Gắn với một đô thị vừa và lớn có vị trí thuận lợi.
- + Bao gồm các khu công nghiệp, điểm công nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về quy trình công nghệ.
- + Có dân cư sinh sống và cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở hạ tầng hoàn thiện.
- + Có các xí nghiệp hạt nhân và các xí nghiệp bổ trợ.
- + Có nguồn lao động dồi dào và trình độ tay nghề cao.

BÀI 31: TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI

1. Tác động của công nghiệp tới môi trường

- *Tác động tích cực:* góp phần tạo ra môi trường mới hay góp phần cải thiện chất lượng môi trường.

- *Tác động tiêu cực:*

- + Trong quá trình sản xuất: gây ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường không khí và nước.
- + Trong và sau khi sử dụng: gây ảnh hưởng xấu đến môi trường do phân lớn sản phẩm của ngành này khó phân hủy.

2. Phát triển năng lượng tái tạo

Phải đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo vì:

- Việc sử dụng năng lượng hoá thạch làm cạn kiệt tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

- Việc đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo nhằm:

+ Đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng tái tạo nhằm:

+ Đảm bảo an ninh năng lượng cho các quốc gia,

+ Góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

3. Định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai

- Công nghiệp trong tương lai sẽ hướng đến sự phát triển bền vững, với các định hướng:

+ Chuyển dần từ các ngành công nghiệp truyền thống sang các ngành công nghiệp có kỹ thuật, công nghệ cao.

+ Ứng dụng các thành tựu của công nghệ để tối ưu hoá quy trình, phương thức sản xuất.

+ Phát triển công nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, tạo ra sản phẩm bằng các quy trình không gây ô nhiễm.

- Đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

BÀI 33: CƠ CẤU, VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ

1. Cơ cấu ngành dịch vụ

- Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội, tạo ra các sản phẩm phần lớn là vô hình nhằm thoả mãn các nhu cầu trong sản xuất và đời sống của con người.

- Dịch vụ có cơ cấu ngành hết sức phức tạp, người ta thường chia thành ba nhóm:

+ Dịch vụ kinh doanh: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hàng hoá,...

+ Dịch vụ tiêu dùng: y tế, giáo dục, du lịch,...

+ Dịch vụ công: hành chính công, thủ tục hành chính,...

2. Vai trò của ngành dịch vụ: quan trọng

- Vai trò về kinh tế:

+ Giúp các hoạt động sản xuất, phân phối diễn ra thông suốt.

+ Thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, hình thành cơ cấu lao động và cơ cấu Góp phần tăng thu nhập quốc dân cũng như thu nhập của cá nhân.

- Về mặt xã hội: Giúp cho các lĩnh vực của đời sống xã hội và sinh hoạt công cộng diễn ra thuận lợi, nâng cao đời sống con người.

- Về mặt môi trường: Góp phần khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Dịch vụ giúp tăng cường toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

3. Đặc điểm của ngành dịch vụ

- Sản phẩm dịch vụ phần lớn là phi vật chất.

- Quá trình sản xuất (cung ứng) dịch vụ và tiêu dùng (hưởng thụ) dịch vụ thường diễn ra đồng thời.

- Sự phát triển của khoa học – công nghệ đã làm thay đổi cách thức, cơ cấu, chất lượng của ngành dịch vụ.

4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ

- Vị trí địa lí có ý nghĩa trong việc thu hút vốn đầu tư, nguồn lao động chất lượng cao, tiếp cận thị trường bên ngoài, thực hiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

- Nhân tố tự nhiên có tác động trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của một số loại hình dịch vụ: địa hình, khí hậu tác động trực tiếp tới hoạt động của giao thông vận tải và du lịch.

- Nhân tố kinh tế – xã hội có ý nghĩa quan trọng nhất tới sự phát triển và phân bố dịch vụ:

+ Trình độ phát triển kinh tế mang tính quyết định đến định hướng phát triển, trình độ phát triển, quy mô của dịch vụ.

+ Đặc điểm dân số, lao động ảnh hưởng tới tốc độ phát triển, cơ cấu, mạng lưới dịch vụ.

+ Vốn đầu tư, khoa học - công nghệ ảnh hưởng tới quy mô, trình độ phát triển dịch vụ.

+ Thị trường ảnh hưởng tới hướng phát triển, tốc độ và quy mô phát triển dịch vụ.

---HẾT---